

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS- ST

Ngày: 02/6/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt

- Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2021/TLST-DS, ngày 06 tháng 01 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-DS, ngày 16/04/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B

Cùng địa chỉ: T 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2020, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: Nguyên đơn với bị đơn bà Nguyễn Thị B là xóm giềng với nhau, bị đơn cần số tiền làm ăn và biết nguyên đơn có tiền tích góp nên bị đơn có hỏi mượn tiền của nguyên đơn. Ngày 16/5/2018 âm lịch, nguyên đơn có cho bị đơn vay (mượn) số tiền 540.000.000đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng). Khi vay không tính lãi nhưng bị đơn có nói hàng tháng sẽ đưa ít tiền để lo cho gia đình và nói khi nào cần tiền thì nói bị đơn trả tiền cho nguyên đơn. Nguyên

đơn đã nhiều lần trực tiếp gặp và liên hệ yêu cầu bị đơn trả số tiền 540.000.000 đồng mà bị đơn đã mượn của nguyên đơn nhưng bị đơn cố tình né tránh không trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 540.000.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*) nợ gốc; Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả lãi.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử.v.v.) cho bị đơn nhưng bị đơn Nguyễn Thị B không đến Tòa để làm việc; đồng thời, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hiện tại, bị đơn Nguyễn Thị B đã bỏ đi khỏi địa phương, không có mặt tại nơi cư trú.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 540.000.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*).

- Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Tranh chấp giữa nguyên đơn Phạm Thị Hạnh và bị đơn Nguyễn Thị B là tranh chấp xuất phát từ hợp đồng vay tài sản; Bị đơn Nguyễn Thị B trú tại t 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp về dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử) nhưng bị đơn không đến Tòa để làm việc; Đồng thời, cũng không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo xác nhận

của chính quyền địa phương thì hiện tại, bị đơn Nguyễn Thị B đã đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt tại địa phương, chính quyền địa phương không rõ thời gian đi về của bà Nguyễn Thị B; bà B thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy việc vắng mặt của bị đơn là không vì trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Thị B.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 16/5/2018 AL, có nội dung: “*Tôi Nguyễn Thị B có nợ chị Hạnh 540 triệu đồng (Năm trăm bốn mươi triệu đồng) tôi hứa chị là cuối tháng tôi trả lần cho chị 50 triệu và hằng năm tôi trả cho chị là 30 triệu đồng*”. Theo biên bản sự việc xảy ra ngày 30/11/2020 thì bị đơn trình bày nguyên đơn có đến nhà bị đơn nói chuyện về việc bị đơn nợ tiền và hai bên có cãi vã, xô xát nhau; tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 11/2019/QĐST-DS ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức nguyên đơn trong vụ án là Phạm Thị H và bị đơn là Nguyễn Thị B cùng địa chỉ thôn 3, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N thì có đủ chứng cứ để xác định ngày 16/5/2018 âm lịch, bị đơn Nguyễn Thị B có vay của nguyên đơn Phạm Thị H số tiền 540.000.000 đồng. Hiện tại bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 540.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 540.000.000$ đồng = 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2018/0005864 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

[4] Về ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Phạm Thị H số tiền 540.000.000 đồng (*Năm trăm bốn mươi triệu đồng*) nợ gốc.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Bà Phạm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Hạnh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.800.000 đồng (*Mười hai triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2018/0005864 ngày 04/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2021). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
'HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Vương